

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN
ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch**

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3560 574

Fax: 0251 3560 031

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Bình.

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0933.888.134.

Fax: 0251 3560 031

Loại thông tin công bố: 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ ☒

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (*Đính kèm báo cáo kiểm toán độc lập số 19.112/BCKT-RSM HCM ngày 28/02/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam*).

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 06/03/2019 tại đường dẫn <http://ntw.com.vn/quan-he-co-dong.html>.

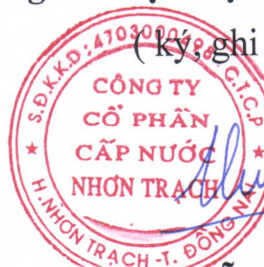
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nhơn Trạch, ngày 06 tháng 3 năm 2019

TUQ. GIÁM ĐỐC

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Bình

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu VT, HĐQT;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP
NƯỚC NHƠN TRẠCH

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP
NƯỚC NHƠN TRẠCH
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN
TRẠCH, c=VN, l=Nhơn Trạch, st=Đồng Nai
Date: 2019.03.06 08:28:23 +07'00'

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 27

023
C
T
ATO
NV
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Bính	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Viết Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Ngô Chí Quốc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Trần Văn Thùy	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Dương Đại	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Võ Quang Hồng	Phó Giám Đốc
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 05/07/2018)
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám Đốc (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Số: 19.112/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31/03/2018.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.731.480.104	133.418.928.142
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	32.822.971.750	56.522.018.664
1. Tiền	111		7.968.904.592	10.117.494.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.854.067.158	46.404.523.814
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	15.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.424.711.993	67.202.467.499
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	33.541.461.328	32.871.285.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	16.460.437.788	763.773.124
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	35.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	915.421.103	882.905.720
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.492.608.226)	(2.315.497.226)
IV. Hàng tồn kho	140		5.646.438.319	7.360.450.615
1. Hàng tồn kho	141	4.7	5.646.438.319	7.360.450.615
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.837.358.042	2.333.991.364
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		287.459.191	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.528.312.173	1.345.976.069
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	21.586.678	988.015.295
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.949.188.326	70.438.296.801
I. Tài sản cố định	220		88.983.261.796	69.015.572.476
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	88.093.573.556	69.015.572.476
Nguyên giá	222		203.622.244.745	171.180.907.185
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.528.671.189)	(102.165.334.709)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	889.688.240	-
Nguyên giá	228		1.062.156.000	45.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(172.467.760)	(45.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		965.926.530	1.422.724.325
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	965.926.530	1.422.724.325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194.680.668.430	203.857.224.943

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.806.583.587	20.359.251.014
I. Nợ ngắn hạn	310		16.806.583.587	20.359.251.014
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	7.843.612.073	5.572.069.300
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		95.806.661	316.915.846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	557.542.615	411.608.051
4. Phải trả người lao động	314		1.859.130.000	5.494.393.820
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	353.024.754	303.692.437
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14.6	6.097.467.484	8.260.571.560
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.874.084.843	183.497.973.929
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	177.874.084.843	183.497.973.929
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.043.138.411	6.043.138.411
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.850.498.176	16.792.673.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.980.448.256	60.662.161.854
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		37.911.818.123	39.505.671.611
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.068.630.133	21.156.490.243
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.680.668.430	203.857.224.943

Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hoàn
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	162.294.434.906	153.943.895.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	28.192.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		162.294.434.906	153.915.703.517
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	133.950.713.986	118.752.922.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.343.720.920	35.162.781.517
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.570.878.649	4.982.672.997
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	6.252.614.656	5.385.215.686
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	9.880.233.987	8.408.603.341
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.781.750.926	26.351.635.487
10. Thu nhập khác	31	5.6	4.395.336.740	4.423.261.190
11. Chi phí khác	32		4.300.000	4.242.283.873
12. Lợi nhuận khác	40		4.391.036.740	180.977.317
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.172.787.666	26.532.612.804
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	4.104.157.533	5.376.122.561
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.068.630.133	21.156.490.243
16. Lợi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.14.5	1.478	1.946



Ngô Dương Đại

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hoàn
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.172.787.666	26.532.612.804
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	13.757.356.513	11.962.870.715
Các khoản dự phòng	03		177.111.000	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.632.878.649)	(4.982.672.997)
Các khoản điều chỉnh khác	07		(4.210.002.611)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		26.264.373.919	33.512.810.522
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.615.262.981)	15.178.350
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.714.012.296	156.519.312
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.832.604.801)	741.061.237
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(287.459.191)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(2.700.000.000)	(6.000.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.663.398.607)	(4.776.618.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.879.660.635	23.648.951.092
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(29.244.363.098)	(21.393.741.222)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		62.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	4.2	(15.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.570.878.649	5.095.927.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.611.484.449)	(11.297.813.313)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.967.223.100)	(14.957.394.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.967.223.100)	(14.957.394.400)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(23.699.046.914)	(2.606.256.621)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		56.522.018.664	59.128.275.285
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	32.822.971.750	56.522.018.664



Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Văn Thù
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàn
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3059/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp nước Nhơn Trạch thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch chính thức đi vào hoạt động theo hình thức cổ phần từ ngày 14 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 05 năm 2018.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Việt Nam	52.437.360.000	52,44	52.437.360.000	52,44
America LLC	Bahamas	14.345.850.000	14,35	14.345.850.000	14,35
Cổ đông khác	Việt Nam	33.216.790.000	33,21	33.216.790.000	33,21
Cộng		100.000.000.000	100,00	100.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 93 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 82 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 – 07 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 30 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí vật liệu bao bì, chi phí vận chuyển,....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, fax, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động cung cấp nước: 5%;
- Hoạt động xây lắp: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	317.063.847	71.649.897
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.651.840.745	10.045.844.953
Các khoản tương đương tiền	24.854.067.158	46.404.523.814
Cộng	32.822.971.750	56.522.018.664

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,7% – 6,8%/năm, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngân hàng Phương Đông	5.000.0000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	5.000.0000.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	5.000.0000.000	-
Cộng	15.000.0000.000	-

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	18.216.466.132	16.474.714.781
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	2.271.119.074
Các khách hàng khác	13.053.876.122	14.125.452.026
Cộng	33.541.461.328	32.871.285.881

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	15.050.000.000	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ Đức Anh	1.037.907.940	-
Các nhà cung cấp khác	372.529.848	763.773.124
Cộng	16.460.437.788	763.773.124

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan – Xem thêm mục 6	-	-	220.926.667	-
Tạm ứng	113.346.000	-	151.900.000	-
Ký cược, ký quỹ	119.924.444	-	144.079.595	-
Lãi dự thu	544.234.252	-	285.102.192	-
Phải thu khác	137.916.407	-	80.897.266	-
Cộng	915.421.103	-	882.905.720	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.492.608.226	-	2.315.497.226	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	-	Trên 3 năm	2.271.119.074	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	221.489.152	-	Trên 3 năm	44.378.152	-	Trên 3 năm
Cộng	2.492.608.226	-		2.315.497.226	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.467.355.758	-	6.133.304.228	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	179.082.561	-	1.227.146.387	-
Cộng	5.646.438.319	-	7.360.450.615	-

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tuyến ống cấp nước D200 Cụm Công Nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh	357.141.531	-
Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5000m3	257.818.182	-
Hệ thống cấp nước thô cho nhà máy xử lý nước Đại Phước	211.964.179	285.460.186
Công trình xây mới văn phòng công ty	-	752.861.238
Công trình khác	139.002.638	384.402.901
Cộng	965.926.530	1.422.724.325

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	42.642.646.695	30.110.103.761	97.108.625.565	1.319.531.164	171.180.907.185
Mua trong năm	-	1.128.000.000	988.909.091	30.590.000	2.147.499.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.494.053.340	255.657.710	24.737.872.249	-	26.487.583.299
Tăng khác	-	443.160.832	4.210.002.611 (*)	36.800.000	4.689.963.443
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(266.552.273)	-	(266.552.273)
Giảm khác	(617.156.000)	-	-	-	(617.156.000)
Tại ngày 31/12/2018	43.519.544.035	31.936.922.303	126.778.857.243	1.386.921.164	203.622.244.745
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	24.283.499.928	20.515.192.488	56.825.141.755	541.500.538	102.165.334.709
Khấu hao trong năm	2.263.756.258	2.662.063.597	8.706.109.444	249.683.016	13.881.612.315
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(266.552.273)	-	(266.552.273)
Giảm khác	(29.905.380)	-	(221.818.182)	-	(251.723.562)
Tại ngày 31/12/2018	26.517.350.807	23.177.256.084	65.042.880.744	791.183.554	115.528.671.189
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	18.359.146.767	9.594.911.273	40.283.483.810	778.030.626	69.015.572.476
Tại ngày 31/12/2018	17.002.193.228	8.759.666.219	61.735.976.499	595.737.610	88.093.573.556

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 66.458.273.670 VND.

(*) Là khoản tài trợ không hoàn lại chi phí vật tư chính để lắp đặt các tuyến ống cấp nước thuộc xã Hiệp Phước và xã Long Thọ từ Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa. Xem thêm mục 5.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	-	45.000.000	45.000.000
Mua trong năm	-	400.000.000	400.000.000
Tăng khác	617.156.000	-	617.156.000
Tại ngày 31/12/2018	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	-	45.000.000	45.000.000
Khấu hao trong năm	-	89.333.636	89.333.636
Tăng khác	38.134.124	-	38.134.124
Tại ngày 31/12/2018	38.134.124	134.333.636	172.467.760
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	579.021.876	310.666.364	889.688.240

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 45.000.000 VND.

4.11. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 6	2.999.992.594	2.999.992.594	3.445.045.573	3.445.045.573
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	1.753.812.959	1.753.812.959	1.319.072.234	1.319.072.234
Doanh Nghiệp Tư Nhân Anh Tuấn	1.244.871.350	1.244.871.350	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.844.935.170	1.844.935.170	807.951.493	807.951.493
Cộng	7.843.612.073	7.843.612.073	5.572.069.300	5.572.069.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	416.142.238	4.104.157.533	2.700.000.000	988.015.295	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.586.678	-	829.164.352	911.404.545	-	60.653.515
Thuế tài nguyên	-	102.542.460	2.478.678.531	2.651.242.627	-	275.106.556
Các loại thuế khác	-	38.857.917	201.748.125	238.738.188	-	75.847.980
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-
Cộng	21.586.678	557.542.615	7.613.748.541	6.501.385.360	988.015.295	411.608.051

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	214.770.500	181.993.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.254.254	121.698.837
Cộng	353.024.754	303.692.437

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND	
Tại ngày 01/01/2017	75.000.000.000	6.043.138.411			178.867.258.599
Tăng vốn trong năm trước	25.000.000.000	-	40.839.064.343 (25.000.000.000)	56.985.055.845	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	21.156.490.243
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(953.609.320)	(953.609.320)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(572.165.593)	(572.165.593)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	953.609.321	(953.609.321)	-
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	6.043.138.411	16.792.673.664	60.662.161.854	183.497.973.929
Lãi trong năm nay	-	-	-	16.068.630.133	16.068.630.133
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.057.824.512)	(1.057.824.512)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(634.694.707)	(634.694.707)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.057.824.512	(1.057.824.512)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	100.000.000.000	6.043.138.411	17.850.498.176	53.980.448.256	177.874.084.843

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của công ty mẹ	52.437.360.000	52.437.360.000
Vốn góp của các đối tượng khác	47.562.640.000	47.562.640.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	75.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	25.000.000.000
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.5. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	16.068.645.272	21.156.490.243
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.285.485.566)	(1.692.519.219)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.783.159.706	19.463.971.024
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.478	1.946

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2018	16.792.673.664	8.260.571.560
Trích trong năm	1.057.824.512	1.692.519.219
Chi trong năm	-	(3.855.623.295)
Tại ngày 31/12/2018	17.850.498.176	6.097.467.484

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động cung cấp nước	154.255.833.700	151.288.073.500
Doanh thu hoạt động xây lắp	8.038.601.206	2.655.822.217
Cộng	162.294.434.906	153.943.895.717
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 6	1.583.239.483	-

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động cung cấp nước	128.179.705.953	116.767.428.257
Giá vốn hoạt động xây lắp	5.771.008.033	1.985.493.743
Cộng	133.950.713.986	118.752.922.000
Trong đó, Giá vốn đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 6	87.020.567.160	86.135.325.894

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	2.533.273.057	2.632.672.997
Lãi tiền cho vay và lãi chiết khấu thanh toán đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 6	1.037.605.592	2.350.000.000
Cộng	3.570.878.649	4.982.672.997

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	2.329.283.259	2.791.764.103
Chi phí vật liệu, bao bì	3.629.730.072	2.545.611.852
Chi phí khác	293.601.325	47.839.731
Cộng	6.252.614.656	5.385.215.686

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.622.388.189	6.489.812.120
Chi phí vật liệu quản lý	265.849.510	269.000.227
Chi phí đồ dùng văn phòng	298.740.927	226.472.364
Chi phí khấu hao	874.971.576	356.606.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.409.942	245.929.799
Chi phí khác	1.117.873.843	820.782.727
Cộng	9.880.233.987	8.408.603.341

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Nhận tài trợ kinh phí xây dựng tuyến ống cấp nước từ Formosa – Xem thêm mục 4.9	4.210.002.611	-
Chuyển nhượng vật tư	-	4.257.522.611
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản	62.000.000	-
Thu nhập khác	123.334.129	165.738.579
Cộng	4.395.336.740	4.423.261.190

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí mua nước	95.798.586.218	86.135.325.894
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.462.782.726	8.814.809.625
Chi phí nhân công	16.542.182.730	16.767.364.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.757.356.513	11.962.870.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.608.311.534	5.422.735.275
Chi phí khác	6.866.279.082	4.246.462.068
Cộng	149.035.498.803	133.349.568.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	20.172.787.666	26.532.612.804
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	348.000.000	348.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	20.520.787.666	26.880.612.804
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.104.157.533	5.376.122.561

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Và Xây Dựng | Công ty cùng tập đoàn |
| 3. Cấp Nước Đồng Nai | Công ty cùng tập đoàn |
| 4. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	18.216.466.132	16.474.714.781
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu về cho vay:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	-	15.000.000.000
Cộng	-	35.000.000.000
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khác – Xem thêm mục 4.5		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	220.926.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	15.050.000.000	-
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	(2.941.483.104)	(3.445.045.573)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	(58.509.490)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.11	(2.999.992.594)	(3.445.045.573)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng – Xem thêm mục 5.1		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	1.583.239.483	-
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	85.956.758.261	86.135.325.894
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	1.063.808.899	-
Cộng – Xem thêm mục 5.2	87.020.567.160	86.135.325.894
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi cho vay và chiết khấu thanh toán:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	950.105.592	950.000.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	87.500.000	1.400.000.000
Cộng – Xem thêm mục 5.3	1.037.605.592	2.350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	2.580.104.850	2.222.489.300
Tiền thưởng Ban điều hành và Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước	255.400.000	-
Cộng	2.835.504.850	2.222.489.300

7. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	536.800.000	472.000.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàn
Người lập